

Số: 01/2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2011

**THÔNG TƯ**

**Quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại phần II Danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 7 năm 2008 như sau:

1. Bổ sung vào danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 1)

2. Sửa đổi tên Việt Nam, tên Khoa học của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 2)

3. Sửa đổi mức độ nguy cấp của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 3)

4. Loại bỏ khỏi danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 4)

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực sau bốn mươi lăm ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ;
- Các Bộ TNMT, Tài chính, Tư pháp;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Website Chính phủ;
- Các Cục, Vụ, Thanh tra Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Vũ Văn Tám**

**Phụ lục 1. Bổ sung vào danh sách các loài thủy sinh quý hiếm  
có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Bảng 1. Các loài đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	<b>Bộ cá chép</b>	<b>Cypriniformes</b>	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1.	Cá mè huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>	Thừa Thiên Huế

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	<b>Bộ cá nheo</b>	<b>Siluriformes</b>	
	Họ Clariidae	Clariidae	
1.	Cá trê trắng	<i>Clarias batrachus</i>	Đồng bằng Nam Bộ
	Họ cá nheo	Siluridae	
2.	Cá chẹn bầu	<i>Ompok bimaculatus</i>	Đồng bằng Nam Bộ
	SAN HỒ		
3.	<b>Bộ san hô đen</b>	<b>Antipatharia</b>	Vùng biển xa bờ các đảo: Ba Mùn, Côn Cỏ, Phú Quốc, Phú Quý

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	<b>Bộ cá chép</b>	<b>Cypriniformes</b>	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1.	Cá dầy	<i>Channa lucius</i>	Đồng bằng sông cửu long
2.	Cá học trò	<i>Balantiocheilos ambusticauda</i>	Đồng bằng sông cửu long
	<b>Bộ cá nheo</b>	<b>Siluriformes</b>	
	Họ Clariidae	Clariidae	
3.	Cá trê	<i>Clarias nieuhofii</i>	Đồng bằng sông cửu long
4.	Cá trê tời	<i>Clarias meladerma</i>	Đồng bằng sông cửu long
	<b>Bộ cá mập</b>	<b>Carcharhiniformes</b>	
	Họ cá mập	Carcharhinidae	
5.	Cá mập đầu bạc	<i>Carcharhinus albimarginatus</i>	Vùng biển xa bờ
6.	Cá mập đốm đen đỉnh đuôi	<i>Carcharhinus melanopterus</i>	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển xa bờ
	<b>Bộ cá đuối</b>	<b>Rajiformes</b>	

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	Họ cá đuối ó	Myliobatidae	
7.	Cá đuối ó không chám	<i>Aetobatus flagellum</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
8.	Cá đuối ó không gai	<i>Aetobatus nichofii</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối quạt	Rajidae	
9.	Cá đuối quạt	<i>Okamejei kenojei</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
10.	Cá đuối bướm nhật bản	<i>Gymnura japonica</i>	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển miền Trung
11.	Cá đuối bướm hoa	<i>Gymnura poecilura</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	<b>Bộ cá trích</b>	<b>Clupeiformes</b>	
	Họ Engraulidae	Engraulidae	
12.	Cá lẹp hàm dài	<i>Thrissa setirostris</i>	Vùng ven biển đông nam bộ
13.	Cá lẹp hai quai	<i>Thrissa mystax schneider</i>	Vùng ven biển đông nam bộ
14.	Cá lẹp vàng vây ngực dài	<i>Setipinna taty</i>	Vùng ven biển đông nam bộ
	<b>Bộ cá vược</b>	<b>Perciformes</b>	
	Họ cá mú	Serranidae	
15.	Cá mú dẹt	<i>Cromileptes altivelis</i>	Vùng biển Nha Trang, Khánh Hòa
	Họ cá bàng chài	Labridae	
16.	Cá bàng chài vân sóng	<i>Cheilinus undulatus</i>	Vùng biển Nha Trang, Trường Sa, Côn Đảo
	Họ cá mó	Scaridae	
17.	Cá mó đầu u	<i>Bolbometopon muricatum</i>	Côn Đảo, Phú Quốc

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	<b>Bộ cá chép</b>	<b>Cypriniformes</b>	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1.	Cá bống	<i>Spinibarbus denticulatus</i>	Trung và thượng lưu các sông lớn ở các tỉnh phía Bắc như sông Hồng (Yên Bái trở lên), sông Lam (Son Cuông, của Rào), sông Thu Bồn, sông Trà Khúc (Nam trung Bộ)
2.	Cá cày	<i>Paraspinibarbus macracanthus</i>	Các sông ở các tỉnh phía Bắc

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
3.	Cá ngựa nam	<i>Hampala macrolepidota</i>	Đồng bằng sông cửu long
4.	Cá dóc	<i>Spinibarichthys denticulatus</i>	Thanh Hóa
5.	Cá vền	<i>Megalobrama terminalis</i>	Trung và hạ lưu các sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; sông Lam, sông Thu Bồn
	Họ Gyrinocheilidae	Gyrinocheilidae	
6.	Cá mây đá	<i>Gyrinocheilus pennocki</i>	Đồng bằng sông cửu long
	<b>Bộ cá nheo</b>	<b>Siluriformes</b>	
	Họ cá chiên	Sisoridae	
7.	Cá chiên bạc	<i>Bagarius yarrelli</i>	Đồng bằng sông cửu long
	Họ cá lăng	Bagridae	
8.	Cá lăng đỏ	<i>Hemibagrus wyckioides</i>	Đồng bằng sông cửu long
9.	Cá chột cò	<i>Heterobagrus bocourti</i>	Đồng bằng sông cửu long
	<b>Bộ cá mập</b>	<b>Carcharhiniformes</b>	
	Họ cá mập	Carcharhinidae	
10.	Cá mập hiền	<i>Carcharhinus amblyrhynchoides</i>	Vùng biển xa bờ
	<b>Bộ cá đuối</b>	<b>Rajiformes</b>	
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
11.	Cá đuối bướm 2 chấm	<i>Gymnura bimaculata</i>	Vịnh Bắc Bộ
	Họ cá đuối bông	Dasyatidae	
12.	Cá đuối bông lồi	<i>Dasyatis bennetti</i>	vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ và vùng biển xa bờ
	Họ cá giồng	Rhinobatidae	
13.	Cá đuối đĩa 2 hàng gai	<i>Platyrrhina limboonkengi</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
14.	Cá đuối đĩa trung hoa	<i>Platyrrhina sinensis</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	<b>Bộ cá nhám</b>	<b>Lamniformes</b>	
	Họ cá nhám thu	Lamnidae	
15.	Cá mập trắng lớn	<i>Carcharodon carcharias</i>	Vùng biển xa bờ
	Họ Pseudocarchariidare	Pseudocarchariidare	
16.	Cá nhám thu/ cá mập sâu	<i>Pseudocarcharias kamoharai</i>	Vùng biển xa bờ

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	THÂN MỀM		
	<b>Bộ mực ống</b>	<b>Teuthidea</b>	
	Họ mực ống	Loliginidae	
17.	Mực lá	<i>Sepioteuthis lessoniana</i>	Vùng biển ven bờ từ vịnh Bắc Bộ đến Tây Nam Bộ
	<b>Bộ Sipunculiformes</b>	<b>Sipunculiformes</b>	
	Họ Sipunculide	Sipunculide	
18.	Sá sùng	<i>Sipunculus nudus</i>	Hải Phòng, Quảng Ninh
	SAN HÔ		
19.	San hô gai	<i>Anthipathes spp.</i>	Ven đảo
20.	San hô roi	<i>Cirripathes sp</i>	Ven đảo

**Phụ lục 2. Sửa đổi tên Việt Nam, tên Khoa học của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1.	<b>Bộ chân bụng cỏ</b>	<b>Vetigastropoda</b> (tên cũ: <b>Archaeogastropoda</b> )
	Họ ốc đụn	Trochidae
2.	Ốc đụn cái	<i>Tectus niloticus</i> (tên cũ: <i>Trochus niloticus</i> )
3.	Họ ốc tù và	Ranellidae (tên cũ: Cymatidae)

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1.	<b>Bộ chân bụng cỏ</b>	<b>Vetigastropoda</b> (tên cũ: <b>Archaeogastropoda</b> )

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1.	<b>Bộ chân bụng cỏ</b>	<b>Vetigastropoda</b> (tên cũ: <b>Archaeogastropoda</b> )
2.	Họ ốc tù và	Ranellidae (tên cũ: Cymatidae)
	<b>CÁ</b>	
	<b>Bộ cá chép</b>	<b>Cypriniformes</b>
	Họ Gyrinocheilidae	Gyrinocheilidae
3.	Cá đuông bay (tên cũ: Cá Đuông xanh)	<i>Cosmochilus harmandi</i>
4.	Cá chàỳ đất	<i>Spinibarbus hollandi</i> (tên cũ: <i>Spinibarbus caldwelli</i> )
	<b>Bộ cá vược</b>	<b>Perciformes</b>
	Họ cá hường	Coiidae
5.	Cá thái hồ (tên cũ: cá hường)	<i>Datnioides pulcher</i> (tên cũ: <i>Coius microlepis</i> )
6.	Cá hường vện	<i>Datnioides quadrifasciatus</i> (tên cũ: <i>Coius quadrifasciatus</i> )

**Phụ lục 3. Sửa đổi mức độ nguy cấp của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 1. Các loài đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
	CÁ		
	<b>Bộ cá thát lát</b>	<b>Osteoglossiformes</b>	
	Họ cá môn	Osteoglossidae	
1.	Cá môn/cá rồng	<i>Scleropages formosus</i>	mức cũ: EN

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
	CÁ		
	<b>Bộ cá vược</b>	<b>Perciformes</b>	
	Họ cá đù	Sciaenidae	
1.	Cá đù/Cá sù giấy	<i>Otolithoides biauratus</i>	mức cũ: VU
	THÂN MỀM		
	<b>Bộ ngao</b>	<b>Veneroida</b>	
	Họ trai tai tượng	Tridacnidae	
2.	Trai tai tượng khổng lồ	<i>Tridacna gigas</i>	mức cũ: EN

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	CÁ		
	<b>Bộ cá chép</b>	<b>Cypriniformes</b>	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1.	Cá trà sóc	<i>Probarbus jullieni</i>	mức cũ VU
	<b>Bộ cá nheo</b>	<b>Siluriformes</b>	
	Họ cá tra	Pangasiidae	
2.	Cá tra dầu	<i>Pangasianodon gigas</i>	mức cũ VU
	<b>Bộ cá thát lát</b>	<b>Osteoglossiformes</b>	
	Họ cá thát lát	Notopteridae	
3.	Cá còm	<i>Chitala ornata</i>	mức cũ VU
	DA GAI		
	<b>Bộ cầu gai</b>	<b>Echinoida</b>	
	Họ cầu gai	Echinometridae	
4.	Cầu gai đá	<i>Heterocentrotus mammillatus</i>	(mức cũ VU

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	CÁ		
	<b>Bộ cá trích</b>	<b>Clupeiformes</b>	
	Họ cá trích	Clupeidae	
1.	Cá mèi cờ hoa (Cá mèi cờ)	<i>Clupanodon thrissa</i>	mức cũ EN
	<b>Bộ cá vược</b>	<b>Perciformes</b>	
	Họ cá bóng đen	Eleotridae	
2.	Cá bóng bóp	<i>Bostrichthys sinensis</i>	mức cũ CR
	THÂN MỀM		
	<b>Bộ vẹm</b>	<b>Mytiloida</b>	
	Họ bàn mai	Pinnidae	
3.	Trai bàn mai	<i>Atrina vexillum</i>	mức cũ EN
	<b>Bộ ngao</b>	<b>Veneroida</b>	
	Họ vọp	Mactridae	
4.	Tu hải	<i>Lutraria rhynchaena</i>	mức cũ EN



**Phụ lục 4. Loại bỏ khỏi danh sách các loài thủy sinh quý hiếm  
có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	CÁ	
	<b>Bộ cá chép</b>	<b>Cypriniformes</b>
1.	Cá ét mọi	<i>Morulus chrysophekadion</i>
2.	Cá đuông bay	<i>Cirrinus microlepis</i>
	<b>Bộ cá vược</b>	<b>Perciformes</b>
	Họ cá mang rô	Toxotidae
3.	Cá mang rô	<i>Toxotes chatareus</i>
4.	Cá lóc bông	<i>Ophiocephalus micopeltes</i>
	Họ cá bống chài	Labridae
5.	Cá bống chài axin	<i>Bodianus axillaris</i>
6.	Cá bống chài đầu đen	<i>Thalassoma lunare</i>
	THÂN MỀM	
	<b>Bộ vẹm</b>	<b>Mytiloida</b>
	Họ bần mai	Pinnidae
7.	Vẹm xanh	<i>Perna viridis</i>